

ID VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/05/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP01+CI	7:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
2		CTK3+P11+TD3	7:25	17+4+0	0+0+0		11+7+4	0+0+0	
3		PVD8+PBDA	7:25	19+0	0+0		12+10	0+0	
4		GTCl+CTK3	9:25	3+16	0+0		0+22	0+0	
5		BK6+BK14	9:25	11+11	0+0		7+12	0+0	
6		CLO+BK9+CI	11:45	2+9+10	0+0+0		2+6+14	0+0+0	
7		PVD8+SAVR	11:45	15+0	0+0		15+7	0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

I/ Đi về trong ngày CI-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: VSP01 - CLI	CREW: LINH - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/2161	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HUU NHAN	VSP01	15	1	4			81	NIPI	Vietnamese
2	LE VAN DUC	CLI	76	1	7			63	SGC	Vietnamese
3	ZAKLADHYI R.N.	CLI						97	D-HANH	Russian
4	NGUYEN CONG LAM	CLI	71	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
5	KAPPENKO BOGDAN A.	CLI	70,60	2	10			91	KH-THAC	Russian
6	DO VAN DOAN	CLI	59	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH ANH BAO	CLI	66	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
8	TRINH LE TUAN	CLI	69	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC DUNG	CLI						68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THAM	CLI	78	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC THANG	CLI	61-62	2	15			75	KH-THAC	Vietnamese
12	KRAMARENKO V.V.	CLI						67	KH-THAC	Russian
13	LE TIEN OANH	CLI						70	YTE	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC TIEN	CLI	75	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN QUANG HUNG	CLI	68	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
16	VU XUAN THUONG	CLI	67	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
17	VO TUAN LINH	CLI	63	1	13			88	KH-THAC	Vietnamese
18	VU LAM DIEN	CLI	65	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG NAM	CLI	64	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
20	LE HUU HA	CLI						75	KH-THAC	Vietnamese
21	LUU DINH LUC	CLI	72-74	3	14			63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN BINH	CLI	77	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	1	81	1	4	0	0	0		
2	CLI	21	1.561	20	138	0	0	22		
TOTAL		22	1.642	21	142	0	0	22		
WEIGHT KG			1.642		142		0			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN LINH
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM - 1	TO:CTK3 - P11 - TD3	CREW: XHOÀN - SƠN - THÀNH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/2164	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	42	1	10	1	15	75	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI KHAC PHONG	CTK3	32	1	13			80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	37-38	2	20			75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC HANH	CTK3	31	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN HOÀ	CTK3	4	0	0			75	YTE	Vietnamese
6	HÀ MINH GIANG	CTK3	33	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH DƯƠNG	CTK3	40	1	12			59	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	CTK3	44	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU LƯU	CTK3	35	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	36	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN DANH TUẤN	CTK3	34	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	29	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG SƠN (22126)	CTK3	30	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG LAM	CTK3	43	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUYẾT THĂNG	CTK3	45	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	CTK3	39	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HUY HOÀNG	CTK3						88	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TU ANH	P11	16	1	10	3	51	70	CODIEN	Vietnamese
19	PHÙNG BA ĐỀ	P11	13-15	3	17			72	CODIEN	Vietnamese
20	MAI ĐÌNH KHANG	P11	11	1	12			50	CODIEN	Vietnamese
21	PHẠM THẾ VIỆT	P11	12	1	12			67	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	17	1.249	17	113	1	15	11		
2	P11	4	259	6	51	3	51	7		
3	TD3	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	1.508	23	164	4	66	22		
WEIGHT KG			1.508		164		66			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: PVD8 - PBDA	CREW: VTHU - ĐỨC - TDUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/2167	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BART JOHANNES KOK	PVD8	75-76	2	14			100	PVD	Netherlander
2	ĐỖ VĂN TUÔNG	PVD8	68-69	2	16			68	PVDWS	Vietnamese
3	TRẦN QUỐC HOANG	PVD8	73-74	2	11			100	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	PVD8	65	1	6	5	69	86	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ XUÂN THĂNG	PVD8	85-86	2	22			79	KHOAN	Vietnamese
6	PHAICHIT KOSONKARN	PVD8	63-64	2	17			80	DMC-MI	Thailand
7	HO PHUC TUYEN	PVD8	77	1	9			70	DMC-MI	Vietnamese
8	HUYNH QUỐC DUNG	PVD8	61-62	2	22			82	DMC-MI	Vietnamese
9	HOANG VĂN HIẾU	PVD8	81-82	2	13			70	PVD LOGG	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU TINH	PVD8	72	1	9			70	PVD LOGG	Vietnamese
11	STEPHEN GARETH BARTLEY	PVD8	83-84	2	16			99	PVD	British
12	OMAR QAYYUM BIN MAHAMOOD	PVD8	79-80	2	16			70	EXPRO	Malaysian
13	PHẠM THANH THUẬN	PVD8	66-67	2	7			97	PVD	Vietnamese
14	TRƯƠNG DUY KHANH	PVD8	71	1	9			65	PVDO	Vietnamese
15	ĐÀO VĂN TIỀN	PVD8	59	1	9			62	PSV	Vietnamese
16	VŨ BA HUÂN	PVD8	58	1	6			62	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VĂN MẠNH	PVD8	70	1	8			65	PVDO	Vietnamese
18	HOANG GIA KHÔI	PVD8	78	1	6			57	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	18	1.382	28	216	5	69	12		
2	PBDA	0	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		18	1.382	28	216	5	69	22		
WEIGHT KG			1.382		216		69			

GRAND TOAL: 1.667 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

PHẠM VĂN THU
TRƯƠNG CÔNG ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:GTC1 - CTK3	CREW: LINH - MTHAO - MQUÂN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/2162	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ MINH SỸ	GTC1	05	1	10	4	68	80	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TRĂNG	GTC1	03	1	13			64	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN MINH HOÀNG	GTC1	04	1	16			83	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	82	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HOÀNG	CTK3	89	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN KHÁC HOÀNG	CTK3	76-77	2	10			61	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM QUANG THAI	CTK3	78	1	19			87	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN ANH	CTK3	83	1	10	1	24	77	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ TRUNG KIẾN	CTK3	70-71	2	14			77	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	86	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG ĐÌNH QUANG	CTK3	87-88	2	20			83	KH-THAC	Vietnamese
12	LUYỆN VĂN THIỆU	CTK3	85	1	8			85	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGUYỄN MẠNH TUỞNG	CTK3	81	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐAN QUÊ	CTK3	59	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ANH TUẤN (21426)	CTK3	72	1	16			78	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN PHÚC	CTK3						70	SANBAY	Vietnamese
17	HOÀNG ĐÌNH VINH	CTK3	68-69	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐÌNH XUÂN TOÀN	CTK3	73-74	2	10	1	10	62	T-TIN	Vietnamese
19	TRẦN BAO CHƯƠNG	CTK3	79-80	2	19			71	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC CHÂN	CTK3	90	1	4			76	KTHAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	GTC1	3	227	3	39	4	68	0		
2	CTK3	17	1.264	22	190	2	34	22		1 NB DANG THANH HOANG CTK3 VE VT
TOTAL		20	1.491	25	229	6	102	22		
WEIGHT KG			1.491		229		102			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: BK6 - BK14	CREW: KHOÀN - SON - THÀNH	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/2165	


No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM HỒNG QUY	BK6	43	1	10			74	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN HAI NAM	BK6	46-47	2	20	2	30	68	DVL	Vietnamese
3	ĐỖ MINH HOÀNG	BK6	48	1	16	1	9	75	DVL	Vietnamese
4	PHẠM VĂN SANG	BK6	52-53	2	16			70	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH THAO	BK6	50	1	10	1	13	63	DVL	Vietnamese
6	ĐÀO ĐÌNH CƯỜNG	BK6	39	1	17			85	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐÌNH ĐỨC THIÊN	BK6	44-45	2	19			58	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH PHÚC	BK6	41-42	2	20			54	XAYLAP	Vietnamese
9	HỒ SỸ HÙNG	BK6	40	1	9			81	XAYLAP	Vietnamese
10	NGÔ ĐÌNH THẮNG	BK6	54-55	2	17			66	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN KHẮC PHÚC	BK6	56-57	2	16			90	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN KHANG	BK14	64-65	2	10	1	14	79	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	BK14						84	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN NGUYỄN GIA KINH	BK14	67	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC TUƠNG	BK14	12	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LAM	BK14	15	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH HUY	BK14	29	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN BÌNH	BK14	62	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ TRỌNG NGHĨA	BK14	61	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG ĐÌNH SÂM	BK14	63	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
21	CHAU HUNG HUY	BK14	66	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC NINH	BK14	16	1	7			80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN


No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK6	11	784	17	170	4	52	7		
2	BK14	11	814	11	64	1	14	12		
TOTAL		22	1.598	28	234	5	66	19		
WEIGHT KG			1.598		234		66			

GRAND TOAL: 1.898 KGS


VSP REP.


NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.


VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW


ĐỖ XUÂN HOÀN
PHẠM THÁI SON



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: CLO - BK9 - CLI	CREW: LINH - NPHÚ - MQUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/2163	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CLO	49-50	2	15	1	20	76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	CLO	51-52	2	16			86	KH-THAC	Vietnamese
3	CAO VĂN KHA KHA	BK9	41	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN LÂM	BK9	33-34	2	14			72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC HIỆP	BK9	39	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MINH THĂNG	BK9	31	1	5	2	32	73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TUẤN	BK9	42	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC HÙNG	BK9	40	1	16			66	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU TUẤN	BK9	35	1	14	2	27	54	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HOÀN	BK9	38-39	2	15			72	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN TIẾN CUÔNG	BK9	32	1	4			59	PSV	Vietnamese
12	HOÀNG ĐÌNH HUÂN	CLI	58	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI MINH QUÂN	CLI	55	1	14			73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TÂN HẬU	CLI	56	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ TRUNG QUÂN	CLI	54	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THANH HẢI	CLI	49	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÌNH THẾ ANH	CLI	50	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG MINH	CLI	52	1	10			83	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	CLI	53	1	5			73	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC ANH	CLI	57	1	5			77	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TRUNG	CLI	51	1	5			77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	2	162	4	31	1	20	2		
2	BK9	9	619	11	82	4	59	6		
3	CLI	10	746	10	72	0	0	14		
TOTAL		21	1.527	25	185	5	79	22		
WEIGHT KG			1.527		185		79			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

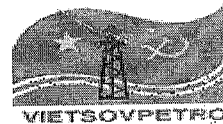
CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: PVD8 - SAVR	CREW: KHOÀN - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/2166	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ DUY KHANH	PVD8	18	1	4			54	PVDO	Vietnamese
2	NGUYEN ANH HUNG	PVD8	04	1	4			67	PVDO	Vietnamese
3	TRẦN VIỆT NAM	PVD8	09-10	2	8			71	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HOÀ	PVD8	12	1	6			72	PVDO	Vietnamese
5	VŨ VĂN TĂNG	PVD8	14-15	2	14			67	PVDO	Vietnamese
6	HOÀNG NGỌC QUÂN	PVD8	05	1	12			87	PVDO	Vietnamese
7	HOÀNG CÔNG THẮNG	PVD8	13	1	4			63	PVDO	Vietnamese
8	HỒ CAO THUẬN	PVD8	03	1	10	1	12	83	PVDO	Vietnamese
9	TRẦN BÌNH Y KHOA	PVD8	16	1	8			53	PVDO	Vietnamese
10	HỒ NGỌC HÙNG	PVD8	17	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐĂNG THANH	PVD8	600	1	20			64	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT PHONG LƯU	PVD8	01-02	2	20			90	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HỒNG	PVD8	06-07	2	9			81	GETRACO	Vietnamese
14	LÊ NGỌC ANH	PVD8	20	1	5			74	GETRACO	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN XUÂN	PVD8	11	1	5			73	DK9	Vietnamese
16	LÊ TRUNG MINH **	PVD8	19	1	8			75	DMC-MI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	16	1.150	20	146	1	12	15		
2	SAVR	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		16	1.150	20	146	1	12	22		
WEIGHT KG			1.150		146		12			

GRAND TOAL: 1.308 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN MINH ĐỨC